

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 256/2026/DS-PT

Ngày 21-05-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Linh

Ông Nguyễn Thành Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2026/TLPT-DS, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2026/QĐPT-DS ngày 22 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị B1** (tên gọi khác: **Sáu V**), sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: số I đường T, khu phố B, phường R, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*

Anh **Đường Khắc T**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1958 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số B đường N, khu phố C, phường R, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tô B, Ấp B, xã T, tỉnh An Giang.

- Bà **Dương Thị C**, sinh năm 1946 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường L, phường R, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị B1 trình bày*: Do quen biết nên bà Trần Thị K và con là Đường Khắc T có vay của bà B1 nhiều lần với tổng số tiền gốc 140.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 02/02/2015 bà Trần Thị K và con là Đường Khắc T có vay của bà B1 (tên gọi khác là Sáu V) số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận, thoả thuận lãi suất 5%, không thoả thuận thời hạn vay. Khi vay bà K, anh T có giao 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Thị C được UBND huyện H cấp số T 837055 ngày 19/05/2004, để bà B1 làm tin.

Lần thứ 2: Vào ngày 05/06/2015 bà Trần Thị K vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, không có thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn vay.

Lần thứ 3: Ngày 15/06/2015 bà K vay số tiền 10.000.000 đồng, có làm biên nhận, không có thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn vay.

Lần thứ 4: Ngày 05/08/2015 bà K vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất thoả thuận 5%/tháng kể từ ngày 05/08/2015, không thoả thuận thời hạn vay; Có giao 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn Đ được UBND huyện A cấp số W 362927 ngày 11/06/2003, cho bà B1 giữ làm tin.

Lần thứ 5: Ngày 31/08/2015 bà K vay số tiền 10.000.000 đồng, có làm biên nhận, không có thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn vay.

Tính đến ngày 31/08/2015, tổng số tiền bà K vay của bà B1 số tiền 90.000.000 đồng; bà K và anh T cùng vay của bà B1 số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc chưa trả.

Trong khoảng thời gian vay tiền bà K đóng lãi cho bà B1 nhiều lần với tổng số tiền 23.700.000 đồng, lần cuối cùng bà K đóng lãi là ngày 07/10/2015 ngưng đóng lãi đến nay.

Tại đơn khởi kiện bà Trần Thị B1 yêu cầu bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T trả cho bà B1 số tiền còn nợ gốc 140.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 31/08/2015 cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Trần Thị B1 thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T, cụ thể: bà B1 yêu cầu cá nhân bà Trần Thị K trả số tiền gốc còn nợ 90.000.000 đồng; yêu cầu bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T trả số tiền còn nợ gốc 50.000.000 đồng. Bà B1 rút yêu cầu tính lãi suất đối với bà K và anh T.

- *Bị đơn bà Trần Thị K trình bày:* Tại Tờ tự khai ngày 29/10/2024 bà Trần Thị K xác định: bà K cùng con là Đường Khắc T không vay số tiền của Trần Thị B1 và cùng không thiếu nợ bà B1, tại địa chỉ I đường T, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Bà Trần Thị B1 kiện hai mẹ con bà mượn tiền là không có căn cứ, bà và anh T không có ký tên vào bất cứ giấy biên nhận hay giấy mượn tiền gì của bà B1. Bà yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà B1 và buộc bà B1 phải bồi thường danh dự, uy tín và nhân phẩm cho hai mẹ con bà do hành vi vu khống của bà B1 gây nên.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- *Ông Lê Văn Đ trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/09/2025 ông Đ xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện A cấp số W 362927 ngày 11/06/2003 cho hộ ông Lê Văn Đ đứng tên là của ông Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Trần Thị B1 đang giữ là đúng của ông Đ. Tuy nhiên, giấy này ông Đ đã làm thất lạc vào khoảng năm 2005 nên ông Đ đã khai báo làm thủ tục và được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ không yêu cầu trả lại, ngoài ra ông cũng không yêu cầu gì khác.

- *Bà Dương Thị C trình bày:* Tại bản tự khai ngày 27/11/2025 bà C xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp số 837055 ngày 19/05/2004 cấp cho hộ bà Dương Thị C mà bà Trần Thị B1 đang giữ đúng là của bà C. Tuy nhiên, giấy này bà C đã làm thất lạc trên 10 năm và bà C đã khai báo làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Bà C không yêu cầu bà B1 trả lại, ngoài ra bà cũng không yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đường Khắc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 113/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang đã quyết định: Buộc bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B1 số tiền gốc 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất; buộc bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T có

nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B1 số tiền gốc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 và ngày 30 tháng 12 năm 2025, bị đơn bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xét xử lại toàn bộ nội dung Bản án 113/2025/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về việc áp dụng pháp luật: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh T, ông Đ và bà C vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị B1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị K trả số nợ vay 90.000.000 đồng, yêu cầu bà K và anh Đường Khắc T trả số nợ 50.000.000 đồng. Chứng cứ bà Trần Thị B1 đưa ra là các biên nhận ghi ngày 02/02/2015; ngày 5/06/2015; ngày 15/06/2015; ngày 06/08/2015 và ngày 31/08/2015 có chữ ký, chữ viết của bà K và anh T. Nội dung biên nhận ghi bên cho vay là bà Sáu V (tên thường gọi của bà Trần Thị B1), bên vay là bà Trần Thị K, anh Đường Khắc T.

Bà Trần Thị K cho rằng bà và anh Đường Khắc T không có vay tiền của bà Trần Thị B1 và cũng không biết người nào tên B1 nên không đồng ý trả số nợ nêu trên.

Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 12/02/2025 chính quyền địa phương xác định bà Trần Thị B1 và bà Sáu V (tên thường gọi) là cùng một người (Bút lục số 42), bởi vì chồng bà B1 thứ sáu tên V nên tên thường gọi của bà B1 được gọi theo tên chồng là Sáu V. Bà B1 xuất trình được biên nhận nợ với tổng số tiền 90.000.000 đồng do bà K tự viết và ký tên, đối với số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 02/02/2015 do bà K và anh T ký tên. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà K thừa nhận toàn bộ chữ ký và chữ viết trong các biên nhận là do của K viết và ký, biên nhận 02/02/2015 là do bà và ông T ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử yêu cầu bà K nếu xác định bà “Sáu Văn” không phải bà B1 thì có cung cấp được địa chỉ, họ tên chủ nợ “Sáu Văn” mà bà K và anh T ký biên nhận vay tiền hay không thì bà K cũng không cung cấp được. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà K trả cho bà B1 số nợ vay 90.000.000 đồng, buộc bà K và anh T cùng trả số nợ 50.000.000 đồng cho bà B1 là có căn cứ.

Tại cấp sơ thẩm, bà Trần Thị B1 rút lại yêu cầu xem xét khoản tiền lãi suất đối với bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp số T 837055 ngày 19/05/2004 cho hộ bà Dương Thị C đứng tên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 362927 ngày 11/06/2003 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông Lê Văn Đ đứng tên. Ông Đ và bà C xác định không còn sử dụng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên không yêu cầu gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Trần Thị B1 đang giữ. Do đó, bà C và ông Đ không yêu cầu gì nên không xem xét. Đề nghị bà B1 giao nộp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho cơ quan chức năng để thu hồi, hủy bỏ theo quy định pháp luật.

Anh T1 và bà K kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, không chấp nhận kháng cáo của anh T1 và bà K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

[3] Về án phí: Do anh T1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đường Khắc T và bà Trần Thị K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2025/DS-ST ngày 17/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T.

- Buộc bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B1 số tiền gốc 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*).

- Buộc bà Trần Thị K và anh Đường Khắc T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B1 số tiền gốc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Anh Đường Khắc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà Trần Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí phúc thẩm: Anh Đường Khắc T chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000162, kí hiệu BLTU/26E, ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh A (đã thực hiện xong); bà Trần Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 1- An Giang;
- Phòng THA DS kv 1- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Trâm Anh